

## THƯ VIỆN VIỆT NAM TRƯỚC NGƯỠNG CỦA NỀN KINH TẾ TRI THỨC, HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

**ThS Nguyễn Hữu Giới**

*Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch*

*Giới thiệu khái quát hai loại hình thư viện công cộng và thư viện chuyên ngành, đa ngành ở nước ta. Phân tích những mặt hạn chế của hoạt động thư viện và đề xuất các biện pháp khắc phục. Nhấn mạnh tầm quan trọng của hoạt động thư viện trong nền kinh tế tri thức.*

**T**oàn nhân loại đã bước sang thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI, thế kỷ của nền kinh tế tri thức và kỹ nguyên thông tin, trong đó thông tin, tri thức đã và đang trở thành động lực vật chất có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá-xã hội của mỗi nước, của khu vực và toàn cầu.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội Đảng toàn quốc khoá IX (năm 2001), đánh giá thế kỷ XX và triển vọng thế kỷ XXI, có nêu rõ: *“Kinh tế tri thức có vai trò ngày càng nổi bật trong quá trình phát triển lực lượng sản xuất của loài người...”*. Và để có thể rút ngắn thời gian công nghiệp hoá ở nước ta so với các nước đi trước, Đảng ta đã đề ra chủ trương: *“Phát huy những lợi thế của đất nước, gắn công nghiệp hoá với hiện đại hoá, tận dụng mọi khả năng để đạt trình độ tiên tiến, hiện đại về khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, tranh thủ ứng dụng ngày càng nhiều hơn, ở mức cao hơn và phổ biến hơn những thành tựu công nghệ hiện đại và tri thức mới, từng bước phát triển kinh tế tri thức...”*.

Câu hỏi đặt ra là: các thư viện Việt Nam, trước ngưỡng cửa nền kinh tế tri thức, cần tổ chức và hoạt động thế nào để phục vụ tốt nhất công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá (CNH, HĐH) đất nước? Cần phải làm gì để mau chóng hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới?

Thư viện, với chức năng cơ bản của mình, vừa là thiết chế văn hoá-giáo dục, vừa là cơ quan truyền bá thông tin, phổ biến tri thức cho mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội. Như chúng ta biết, nền kinh tế tri thức muốn phát triển tốt chủ yếu phải dựa vào tài nguyên trí tuệ, hay nói cách khác, dựa vào nguồn tri thức của toàn xã hội, dựa vào *chất xám* của con người. Và chúng ta cũng biết, nguồn tri thức của xã hội loài người chủ yếu được tích lũy hàng trăm, hàng ngàn năm trong các sách báo, tài liệu, mà thư viện từ xưa đến nay chính là nơi lưu trữ hầu hết sách báo và tri thức của mọi thời đại. Chính thư viện cũng là nơi tổ chức sử dụng sách báo, tài liệu (kể cả dạng truyền thống và hiện đại) hiệu quả nhất. Vì vậy có thể nói, vai trò của hoạt động thư viện trong

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

thời đại ngày nay càng lớn hơn, góp phần quan trọng hơn cho nền kinh tế tri thức, thúc đẩy tiến trình lịch sử xã hội ngày càng phát triển.

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm và đầu tư của Đảng và Nhà nước, các hệ thống thư viện Việt Nam đã lớn mạnh không ngừng, tổ chức tốt việc khai thác và sử dụng chung vốn tài liệu trong xã hội, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế, văn hoá, phục vụ có hiệu quả công cuộc CNH, HĐH đất nước. Hiện nay ở Việt Nam có hai loại hình thư viện như sau:

- **Thư viện công cộng:** gồm hơn 12.500 thư viện, tủ sách, trong đó có 1 Thư viện Quốc gia, 63 thư viện tỉnh, thành phố, 626 thư viện quận, huyện, thị xã; 2.016 thư viện xã, phường; 9.828 phòng đọc sách báo cơ sở, với hơn 24 triệu bản sách.

- **Thư viện chuyên ngành, đa ngành:** gồm 57 thư viện của viện, trung tâm nghiên cứu khoa học; hơn 230 thư viện trường đại học và cao đẳng, 17.000 thư viện, tủ sách trường học; 218 Trung tâm thông tin-thư viện của các Bộ, Ban, ngành, cơ quan Nhà nước; 2.740 thư viện của các đơn vị vũ trang, và hàng ngàn thư viện của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp và các thư viện tư nhân; gần 10.000 tủ sách pháp luật xã, phường; hơn 8.000 tủ sách Điểm bưu điện-văn hoá xã, hơn 40 thư viện tư nhân có phục vụ cộng

đồng, v.v...

Các thư viện Việt Nam đã và đang tích cực xây dựng nguồn lực thông tin, phát triển vốn tài liệu, nhằm nâng cao mức hưởng thụ sách báo cho người dân, phục vụ tốt những nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá-xã hội của đất nước. Nhìn chung, các hệ thống thư viện cả nước đang không ngừng phát triển đội ngũ cán bộ (*cả về số lượng lẫn chất lượng*), ứng dụng mạnh mẽ CNTT trong hoạt động thư viện. Nhiều thư viện đa dạng hoá các loại hình phục vụ trong thư viện (đọc tại chỗ, lưu động, mượn, kho mở, đọc đa phương tiện). Số lượng bạn đọc và lượt sách, báo luân chuyển không ngừng tăng lên. Bên cạnh đó, việc giao lưu và hợp tác quốc tế ngày càng được tăng cường và mở rộng. Các thư viện Việt Nam hiện có quan hệ trao đổi sách, báo với hơn 100 tổ chức trong khu vực ASEAN và quốc tế, tham gia các tổ chức nghề nghiệp như IFLA, CONSAL,....

Tuy nhiên, một cách khách quan, bên cạnh những thành tích, chúng ta chưa thể bằng lòng với chính mình, nhất là trước ngưỡng cửa nền kinh tế tri thức, trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, bởi lẽ:

- Nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về công tác thư viện có nơi, có lúc chưa đầy đủ, thậm chí còn coi nhẹ.

- Ở một số địa phương, một số Bộ, Ban, ngành, việc đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư ngân sách cho hoạt động thư viện còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ. Trang thiết bị thư viện ở một số địa phương - nhất là trong hệ thống thư

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

viện công cộng - còn nghèo nàn, thiếu thốn;

- Hiện đại hóa thư viện, ở một số hệ thống thư viện, đã bước đầu được chú trọng, nhưng chưa toàn diện và chưa đầy đủ. Việc thực hiện chương trình công nghệ tin học ở một số thư viện chưa đồng bộ, vì thế chưa phát huy hiệu quả trong thực tế;

- Đội ngũ cán bộ thư viện ít có điều kiện được bồi dưỡng, tập huấn những kỹ năng nghiệp vụ mới, hiện đại, phục vụ công tác chuyên môn;

- Việc đáp ứng nhu cầu đọc còn hạn chế, chưa xây dựng được môi trường văn hóa đọc, xã hội học tập theo tinh thần của **Chỉ thị 42/CT-TW** ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và **Chiến lược phát triển văn hóa đến năm 2020** (theo Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 06/05/2009 của Thủ tướng Chính phủ).

Nguyên nhân của tình hình trên gồm cả khách quan và chủ quan, nhưng theo chúng tôi, cần đặc biệt lưu ý đến yếu tố chủ quan. *Đó là:*

- Trong các hệ thống thư viện Việt Nam, từ cán bộ quản lý đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chưa thật sự có những chuyển biến sâu sắc về nhận thức và năng lực tổ chức thực hiện. Nhiều cán bộ thư viện rất nhiệt tình, tích cực nhưng còn thiếu sự năng động, linh hoạt, chủ động.

- Chúng ta chưa làm cho xã hội và lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương thấy rõ tầm quan trọng, sự cần

thiết của hệ thống thư viện, của hoạt động thư viện-thông tin trong phát triển kinh tế-xã hội.

- Chúng ta chưa thật sự làm cho mỗi thư viện trở thành trung tâm văn hóa đọc, trung tâm của học tập và tri thức, của khoa học và công nghệ trên địa bàn, v.v..

Để các thư viện Việt Nam đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, có thể hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, xin được nêu ra một vài suy nghĩ và đề xuất như sau:

- *Một là*, các hệ thống thư viện Việt Nam bằng mọi biện pháp và khả năng cần làm tốt hơn nữa nhiệm vụ của mình, đó là: đáp ứng thật tốt, hiệu quả nhu cầu đọc của nhân dân, tiến tới xây dựng và hình thành môi trường văn hóa đọc, thể hệ đọc và xây dựng một xã hội học tập trong tương lai.

- *Hai là*, cần tăng cường hơn nữa việc đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư kinh phí, trang thiết bị hiện đại cho các hệ thống thư viện (kể cả các trung tâm thông tin-thư viện). Trong những năm qua, một số thư viện tỉnh, thành phố, thư viện trực thuộc Bộ, Ban, ngành ở Trung ương và nhiều trung tâm thông tin-thư viện các trường đại học trong cả nước đã được đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp về trụ sở, mua sắm trang thiết bị hiện đại, tuy nhiên vẫn chưa thực sự đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cũng như sự phát triển chung của cả hệ thống.

- *Ba là*, cần xây dựng đội ngũ cán bộ thư viện trong cả nước, đủ về số lượng,

## *Nghiên cứu - Trao đổi*

manh về chất lượng, vững vàng về chính trị-tư tưởng, giỏi chuyên môn nghiệp vụ, vững về tin học; thông thạo ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu thời kỳ CNH, HĐH đất nước. Cần xác định rõ yếu tố con người là một trong những yếu tố vô cùng quan trọng (nếu không nói là quan trọng nhất) trong toàn bộ sự nghiệp thư viện Việt Nam cả trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- *Bốn là*, đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT trong hoạt động thư viện theo hướng xây dựng các kế hoạch cụ thể, gồm bước đi, lộ trình, tiêu chí rõ ràng, đặc biệt phải lấy hiệu quả (nhất là hiệu quả phục vụ người dùng tin, người đọc) làm thước đo giá trị. Trong những năm qua, việc ứng dụng CNTT đã được thực hiện ở nhiều thư viện tỉnh, thành phố, Bộ, Ban, ngành ở Trung ương, các trường đại học và cao đẳng, tới đây, cần tích cực triển khai xuống các thư viện cấp huyện và cấp cơ sở trong phạm vi cả nước.

- *Năm là*, đẩy mạnh hơn nữa việc xã hội hoá công tác thư viện theo nguyên tắc: xây dựng đi đôi với quản lý tốt để duy trì và phát triển văn hóa đọc ở mọi vùng, miền trong cả nước. Kết hợp với việc đa dạng hóa các loại hình thư viện trên địa bàn như: tủ sách pháp luật; điểm bưu điện-văn hoá xã; tủ sách đồn biên phòng; thư viện - trường học, thư viện tư nhân và thực hiện tốt nhất việc luân chuyển sách báo xuống cơ sở, nhằm phục vụ tối ưu nhu cầu đọc và khai thác thông tin của người dân, từng bước xây dựng xã hội đọc và thể hệ đọc trong tương lai.

- *Sáu là*, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, chế độ chính sách trong hoạt động thư viện - nhất là Luật Thư viện và Chiến lược Văn hóa đọc ở Việt Nam - tạo cơ sở và hành lang pháp lý ngày càng thuận lợi hơn cho sự phát triển của các hệ thống thư viện trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Phải chăng hoạt động thư viện là một công việc “lặng thầm và bình dị”? Đúng, hoạt động này thực tế không trực tiếp tạo ra của cải, vật chất cho xã hội, nhưng nó góp phần làm giàu trí tuệ cho con người, và như vậy, nó gián tiếp phục vụ sự phát triển lao động, sản xuất và kinh doanh. Không còn nghi ngờ gì nữa, trong bối cảnh nền kinh tế tri thức toàn cầu, thư viện chắc chắn sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng và hữu ích.

### **Tài liệu tham khảo**

1. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội Đảng toàn quốc khoá IX // Báo Nhân dân ngày 20 tháng 4 năm 2001.- tr. 2-3.
2. Việt Nam (CHXHCN). Quốc hội. Ủy ban thường vụ. Pháp lệnh Thư viện. – H: CTQG, 2001, 25 tr.
3. Việt Nam (CHXHCN). Chính phủ. Bộ VHNT&DL. Về công tác thư viện: các văn bản pháp quy hiện hành về thư viện: Suu tầm, biên soạn: Nguyễn Thị Thanh Mai - Nguyễn Hữu Giới.- Tái bản lần thứ 3 có bổ sung.- H: 2008.- 346 tr.
4. Việt Nam (CHXHCN). Chính phủ. Bộ VHNT&DL. Số liệu thống kê hoạt động thư viện năm 2010.- H: Vụ Thư viện, 2010.- tr. 1-2.
5. Nguyễn Hữu Giới. Tập bài giảng dành cho cán bộ thư viện huyện và cơ sở 2010.- 12 tr.